

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN VĨNH LINH  
TỈNH QUẢNG TRỊ**

Bản án số: 06/2023/HNGĐST.

Ngày: 24/7/2023.

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH LINH, TỈNH QUẢNG TRỊ**

*- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Hoan.*

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Lê Thị My.
2. Ông Nguyễn Bá Lưu.

*Thư ký phiên tòa: Ông Tạ Thanh Tuấn - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Linh.*

*Kiểm sát viên tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Lệ Quyên - KSV*

Ngày 24/7/2023, tại Phòng xét xử Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Linh, tỉnh Quảng Trị xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 14/2023/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 02 năm 2023 về việc: “*Tranh chấp ly hôn và giao nuôi con chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2023/QĐXX-DS ngày 26 tháng 6 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 13/2023/QĐST-DS ngày 12 tháng 7 năm 2023, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thị Thanh Nh, sinh năm: 1988.

Nơi đăng ký thường trú: Khu phố An H, thị trấn Cửa T, huyện Vĩnh L, tỉnh Quảng Tr; Nơi đăng ký tạm trú: Thôn Phở L, xã Thanh A, huyện Cam L, tỉnh Quảng Tr, có mặt.

- **Bị đơn:** Anh Lê Minh T, sinh năm: 1977.

Địa chỉ: Khu phố An H, thị trấn Cửa T, huyện Vĩnh L, tỉnh Quảng Tr, vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*\* Trong đơn khởi kiện ngày 20/10/2022 và quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn chị Nh trình bày:*

Chị Nh và anh T yêu nhau tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Cửa T vào tháng 12 năm 2011. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc, cùng nhau xây dựng gia đình. Nhưng thời gian khoản 01 năm trở lại đây vợ chồng phát sinh mâu thuẫn với lý do tính tình vợ chồng không còn hợp nhau nên thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, anh T dùng lời lẽ miệt thị, xúc phạm đến chị Nh, mặc dù chị đã khuyên can nhiều lần nhưng anh T không thay đổi. Nay chị Nh thấy rằng mâu thuẫn trong cuộc sống hôn nhân giữa hai vợ chồng đã trầm trọng, tình cảm không còn nên chị Nh cương quyết xin được ly hôn với anh T để ổn định cuộc sống.

- Về con chung có 02 cháu: Lê Minh A, sinh ngày 28/01/2013 và Lê Nhã A, sinh ngày 21/11/2016. Nếu được ly hôn, chị Nh có nguyện vọng xin được trực tiếp chăm sóc

nuôi dưỡng cháu Lê Nhã A và giao cháu Lê Minh A cho anh T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng và không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

\* Bị đơn anh Lê Minh T đã được Tòa án tổng đạt trực tiếp thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng khác theo quy định của pháp luật hợp lệ nhưng anh T không có văn bản trình bày ý kiến. Tại phiên hòa giải ngày 21/6/2023, anh T trình bày: Anh nhận thấy mình có lỗi trong cuộc sống vợ chồng, nhưng anh vẫn muốn tiếp tục cuộc sống vợ chồng và không đồng ý ly hôn với chị Nh, anh T đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn đơn phương cho chị Nh nếu chị Nh cương quyết xin ly hôn.

Về con chung: Anh T thừa nhận có hai người con chung như chị Nh trình bày. Nếu Tòa án giải quyết ly hôn, anh T có nguyện vọng xin được nuôi dưỡng cháu Lê Minh A và giao cháu Lê Nhã A cho chị Nh nuôi dưỡng, không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên hòa giải ngày 21/6/2023, chị Nh và anh T thỏa thuận nếu ly hôn sẽ giao cháu Lê Minh A, sinh ngày 28/01/2013 cho anh Lê Minh T nuôi dưỡng và giao cháu Lê Nhã A, sinh ngày 21/11/2016 cho chị Nguyễn Thị Thanh Nh nuôi dưỡng, không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

*Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:*

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Tòa án xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, thụ lý vụ án đúng thẩm quyền; Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tiến hành tố tụng, giải quyết, xét xử vụ án theo đúng trình tự thủ tục do pháp luật quy định; Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại các Điều Điều 70 và 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn không thực hiện đầy đủ quyền nghĩa vụ của mình theo quy định tại các Điều 70 và 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào các Điều 51; 56; 81; 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình đề nghị xử cho chị Nh được ly hôn anh T.

Về con chung: Ghi nhận sự thoả thuận giữa nguyên đơn và bị đơn tại biên bản hoà giải ngày 21/6/2023, giao cháu Lê Minh A, sinh ngày 28/01/2013 cho anh Lê Minh T nuôi dưỡng và giao cháu Lê Nhã A, sinh ngày 21/11/2016 cho chị Nguyễn Thị Thanh Nh nuôi dưỡng, không ai phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

+ Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thanh Nh phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Chị Nguyễn Thị Thanh Nh có đơn yêu cầu xin ly hôn với anh Lê Minh T và yêu cầu giao nuôi con chung khi ly hôn. Vì vậy, đây là vụ án ly hôn, giao nuôi con chung khi ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại thời điểm Tòa

án thụ lý giải quyết vụ án, bị đơn là anh Lê Minh T đang cư trú tại khu phố An H, thị trấn Cửa T, huyện Vĩnh L. Do đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Linh theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Anh Lê Minh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc do trở ngại khách quan, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nh và anh T yêu nhau tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Cửa T năm 2011, nên đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, vợ chồng hạnh phúc được thời gian đầu, đến cuối năm 2018 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn như đương sự trình bày, các bên đã cố gắng hòa giải nhưng không được. Bắt đầu từ tháng 10/2022, vợ chồng đã không còn sống chung, nguyên đơn đã bỏ về nhà cha mẹ đẻ mình cư trú đến nay. Nay, chị Nh thấy không thể tiếp tục cuộc hôn nhân này được nữa nên xin được ly hôn với bị đơn. Xét thấy: Nguyên đơn, bị đơn đã không còn sống chung với nhau từ tháng 10/2022 cho đến nay, không ai quan tâm đến ai, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Mặc dù, bị đơn không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của nguyên đơn, nhưng không đưa ra được phương án khắc phục mâu thuẫn; nguyên đơn cũng không đồng ý đoàn tụ và cương quyết xin ly hôn.

Tòa án đã tiến hành xác minh tại địa phương nơi chị Nh và anh T cư trú và sinh sống, kết quả: Vài năm trở lại đây, quá trình sinh sống tại địa phương, cuộc sống của hai vợ chồng chị Nh và anh T thường xảy ra mâu thuẫn, bất hoà mặc dù đã tự tìm cách khắc phục song tình trạng vẫn không thay đổi, nên chị Nh bỏ về nhà mẹ đẻ mình sinh sống hơn nửa năm nay. Thấy rằng, nếu tiếp tục cuộc sống hôn nhân sẽ không hạnh phúc và không đạt được mục đích nên việc chị Nh xin ly hôn anh T là có căn cứ, phù hợp với thực tế, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên cần chấp nhận.

[3] Về con chung: Chị Nh và anh T có hai con chung là Lê Minh A, sinh ngày 28/01/2013 và Lê Nhã A, sinh ngày 21/11/2016. Tại phiên hòa giải ngày 21/6/2023, chị Nh và anh T đều thỏa thuận nếu ly hôn, sẽ giao cháu Lê Minh A, sinh ngày 28/01/2013 cho anh Lê Minh T nuôi dưỡng, giao cháu Lê Nhã A, sinh ngày 21/11/2016 cho chị Nh nuôi dưỡng, không ai phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền thăm nom, chăm sóc con. Sự thỏa thuận trên giữa chị Nh và anh T về giao nuôi con chung là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với nguyện vọng của các cháu và phù hợp quy định tại Điều 81, 82 và 83 luật hôn nhân và gia đình nên chấp nhận.

[4] Về tài sản chung: Không yêu cầu nên không xem xét.

[5] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

## QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 các Điều 271 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51; 56; 81; 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thanh Nh.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thanh Nh được ly hôn anh Lê Minh T.

- Về con chung: Giao cháu Lê Minh A, sinh ngày 28/01/2013 cho anh Lê Minh T nuôi dưỡng, giao cháu Lê Nhã A, sinh ngày 21/11/2016 cho chị Nguyễn Thị Thanh Nh nuôi dưỡng, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung.

- Về án phí: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thanh Nh phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí tại Biên lai thu số: 0000239 ngày 07/02/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Linh. Chị Nh đã nộp đủ án phí.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc bản án được niêm yết.

**Nơi nhận:**

- Nguyên đơn;
- Bị đơn;
- Viện kiểm sát Vĩnh Linh;
- UBND TT Cửa Tùng;
- Chi cục Thi hành án DS;
- Tòa án tỉnh Quảng Trị;
- Hồ sơ, lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Nguyễn Đình Hoan**